

Số: 59/QĐ-CHTD

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách năm 2025 của  
Trung tâm nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao

**TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO**

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1924/QĐ-VHL ngày 02/10/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-VHL ngày 29/12/2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2024 cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 947/QĐ-VHL ngày 07/05/2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc dự toán chi NSNN đợt 2 năm 2024 cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 1840/QĐ-VHL ngày 16/8/2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao dự toán trả nguồn NSNN tạm giữ năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-Q-CP cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao;

Căn cứ Quyết định số 2972/QĐ-VHL ngày 27/12/2024 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc giao dự toán chi NSNN năm 2024 bổ sung kinh phí thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP cho Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý tổng hợp.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 của Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao.

(kèm theo biểu số 03 ban hành theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.



**Điều 3.** Trưởng phòng Quản lý tổng hợp, viên chức, người lao động của Trung tâm nghiên cứu và phát triển công nghệ cao chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban KHTC báo cáo;
- Lưu VT, B.3.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Tiến Đạt**



Đơn vị: Trung tâm NC&PT công nghệ cao  
Chương: 046

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 12 Tháng 2 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NĂM 2024 (6 THÁNG/CẢ NĂM)**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số...../2018/TT-BTC ngày tháng... năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển công nghệ cao công khai thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Q4 năm 2024 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (12 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
I	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	<b>53.321,4</b>	<b>21.294,0</b>	<b>40%</b>	<b>-</b>
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>52.321,4</b>	<b>20.294,0</b>	<b>39%</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	<b>41.318,55</b>	<b>9.413,95</b>	<b>23%</b>	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	41.318,6	9.413,95	23%	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	11.002,9	10.880,1	99%	
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	<b>1.000,0</b>	<b>1.000,0</b>	<b>100%</b>	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1000,0	999,96	100%	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (12 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>				
1	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (12 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>				
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>				
6.1	Dự án A				



Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (12 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
6.2	Dự án B				
7	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 12 tháng 02 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Nguyễn Tiến Đạt

NGHỆ V. V.